

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 8 - 2026

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hiệp và ông Nguyễn Bá Đoàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1980; Căn cước công dân số: 075080012848 trú tại: Tổ H, ấp S, xã P, tỉnh Đồng Nai.

Người được uỷ quyền để giao nhận các văn bản tố tụng đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Xuân H là: Ông Lê Huy H1 - Luật sư thuộc Văn phòng L2 - Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Hẻm H, đường H, tổ G, ấp A, xã P, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Ấp B, đường T, khu hành chính xã N, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Chị Đinh Thị L, sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố số A, phường L, tỉnh Ninh Bình.

Theo lời trình bày của ông Đinh Văn D (là bố đẻ của chị L) thì hiện nay chị Đinh Thị L đang sống và lao động ở Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể.

(Phiên tòa vắng mặt anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; chị L, ông H1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2025, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Đinh Thị L vào ngày 15/11/2010, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đ). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hoà hợp, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau; bên cạnh đó chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh đã nhiều lần khuyên nhủ chị L thay đổi tính tình và cách sống để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng vợ chồng không tìm được sự đồng cảm lắng nghe, chia sẻ. Vợ chồng anh sống ly thân nhau từ tháng 6/2016. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 06/01/2014, hiện các cháu đang ở với anh. Khi ly hôn, anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Đinh Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác nhiều lần, nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc. Vì vậy, không có quan điểm của chị L.

* Tại biên bản làm việc ngày 02/7/2026, ông Đinh Văn D là bố đẻ của chị Đinh Thị L trình bày: Chị Đinh Thị L có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố số A (nay là tổ dân phố T), phường L, tỉnh Ninh Bình. Từ tháng 8/2025, chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị L chỉ gọi điện thoại về nói đang ở Đài Loan, còn địa chỉ cụ thể của chị L như thế nào thì gia đình ông không nắm được, ông không biết hiện chị L làm gì, ở đâu. Nếu anh H và chị L ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; về con chung ông đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các cháu và theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của cháu Nguyễn Anh K và cháu Nguyễn Thị Thanh N: Trường hợp bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng xin được ở với bố.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H: Vợ chồng anh H và chị L đã ly thân nhau từ nhiều năm nay, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H xin được ly hôn chị L; về con chung: Hiện các cháu đang do anh H nuôi dưỡng, các cháu có nguyện vọng ở với bố, đề nghị HĐXX giao anh H được quyền nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 Bộ luật TTDS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025). Điều 51, 56, 81, 82 Luật HNGĐ năm 2014; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân H.

Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Xuân H và chị Đinh Thị L

Về con chung: giao cháu Nguyễn Anh K và cháu Nguyễn Thị Thanh N cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Đinh Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng tại tổ dân phố T, phường L, tỉnh Ninh Bình, hiện đang ở nước ngoài (Đài Loan) không rõ địa chỉ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân và Nghị quyết số 225/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các Luật Tố tụng và Luật khác có liên quan thì vụ án “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” giữa anh Nguyễn Xuân H và chị Đinh Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về xét xử vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đại diện gia đình chị Đinh Thị L là ông Đinh Văn D (bố đẻ) và yêu cầu thân nhân của chị L cung cấp địa chỉ của chị L nhưng không có kết quả, mặt khác Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội

đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với người bảo vệ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có bài phát biểu quan điểm gửi cho Tòa án. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H và chị Đinh Thị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đ), đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân H, HĐXX thấy rằng:

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ tháng 6 năm 2016 vợ chồng anh chị sống ly thân, chị L bỏ đi, không liên lạc gì về cho anh H, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Ông Đinh Văn D là bố đẻ chị L cho biết hiện tại chị L đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan từ tháng 8/2025, chị L gọi điện về cho gia đình ông nhưng không nói địa chỉ cụ thể của chị L đang ở đâu. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử lý hôn giữa anh Nguyễn Xuân H và chị Đinh Thị L phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Xuân H và chị Đinh Thị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 06/01/2014. Khi ly hôn anh H xin được nuôi dưỡng cả 02 cháu, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét việc nuôi con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, tuy nhiên cần xem xét đến điều kiện của mỗi bên và nguyện vọng của các cháu. Kể từ khi chị L bỏ đi thì các cháu đều do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu K và cháu N mong muốn được ở với bố. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như việc học tập của các cháu, cần giao cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và cháu N, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Nguyễn Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1/ Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Xuân H và chị Đinh Thị L.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 06/01/2014 cho anh Nguyễn Xuân H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tự lập được hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Đinh Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009704 ngày 28/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Anh H đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Nguyễn Xuân H và chị Đinh Thị L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Phước An, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Kim Ngân